TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45** /2025/DS-ST
Ngày: 13/9/2025.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Thảo và ông Nguyễn Đăng Thám.

Thư ký ghi biên bản: Bà Phan Thị Hải Linh – thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6-Đà Nẵng mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2025/TLST–DS, ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 07/7/2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam.

Địa chỉ: Số 210 Trần Quang Khải, phường H, Tp. Hà Nội (Số 210 Trần Quang Khải, phường T, quận Hoàn Kiếm cũ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Th - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Nhật H – chức vụ Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh Quảng Nam. Ông H uỷ quyền lại cho bà Phạm Thị N – chức vụ Phó giám đốc Chi nhánh Quảng Nam kiêm Trưởng phòng giao dịch T và ông Trần Xuân D – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ đại diện.

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, Tp. Đà Nẵng (xã B, huyện T, Quảng Nam cũ).

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, Tp. Đà Nẵng (xã B, huyện T, Quảng Nam cũ).

Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên toà. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T vay vốn theo quy định cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho đối tượng là hội viên Nông dân tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Nay là Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD37D20220174 ngày19/8/2022 với số tiền gốc 100.000.000 đồng, ngày đến hạn trả xong nợ 19/8/2026, lãi suất trong hạn cố định 9,48%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, phí chậm trả bằng số tiền lãi quá hạn x 10%. Kể từ ngày 21/3/2024, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T đã không thực hiện đúng các cam kết trả nợ gốc và lãi như đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các phụ lục kèm theo đã ký.

Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền vay tính đến ngày 13/9/2025 gồm: nợ gốc là 54.935.601 đồng, nợ lãi trong hạn 13.825.214đ, lãi quá hạn là 2.935.953 đồng, phí chậm trả 952.612đ. Tổng cộng là 72.649.380đ.

-*Ý kiến của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại tất cả các phiên hoà giải và phiên toà nên không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-*Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T:* Tại bản tự khai lập ngày 13/01/2025, bà T thừa nhận vợ chồng (là ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T) có vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Nay là Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam) số tiền là 100.000.000 đồng theo hình thức tín chấp không có tài sản đảm bảo. Vợ chồng bà T đã trả cả gốc và lãi được hơn 40.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng đã vi phạm hợp đồng đã ký kết với ngân hàng.

-*Ý kiến của Kiểm sát viên*: Toà án nhân dân huyện T (Nay là TAND Khu vực 6-Đà Nẵng) thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên toà theo đúng quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dụng vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam số tiền vay tính đến ngày 13/9/2025 gồm nợ gốc là 54.935.601 đồng, nợ lãi trong hạn 13.825.214đ, lãi quá hạn là 2.935.953 đồng, phí

chậm trả 952.612đ. Tổng cộng là 72.649.380đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1]-Về thủ tục tố tụng:

Việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T: Ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng. Bà Nguyễn Thị Thu T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà T.

[2]-Về nội dung vụ án:

Ngày 19/8/2022, giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt-Chi nhánh Quảng Nam (Nay là Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam) và vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Thu T có ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD37D20220174 theo hình thức cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho đối tượng là hội viên Nông dân, số tiền vay 100.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 19/8/2026, với lãi suất vay trong hạn cố định 9,48%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, phí chậm trả bằng số tiền lãi quá hạn x 10%

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên. ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T đã vi phạm cam kết và nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 13/9/2025, ông N và bà T còn nợ số tiền gồm: nợ gốc là 54.935.601 đồng, nợ lãi trong hạn 13.825.214đ, lãi quá hạn là 2.935.953 đồng, phí chậm trả 952.612đ. Tổng cộng là 72.649.380đ.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam về việc buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T là phù hợp nên được chấp nhận. Việc tính lãi quá hạn từ ngày 14/9/2025 được thực hiện theo thoả thuận của hợp đồng vay.

[3]-Về án phí: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam số tiền nợ vay tính đến ngày 13/9/2025 của hợp đồng tín dụng số HDTD37D20220174 ngày 19/8/2022 là 72.649.380đ *(Bảy mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi chin ngàn ba trăm tám mươi đồng)*. Trong đó nợ gốc là 54.935.601 đồng, nợ lãi trong hạn 13.825.214đ, lãi quá hạn là 2.935.953 đồng, phí chậm trả 952.612đ.

Từ ngày 14/9/2025, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T tiếp tục chịu lãi quá hạn trên số nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD37D20220174 ngày 19/8/2022.

[2]-*Về án phí*:

-Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 3.632.000đ (Ba triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

-Trả lại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam số tiền 1.529.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008915 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6- Đà Nẵng).

[3]-Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/9/2025). Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

[4]-Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND Khu vực 6-Đà Nẵng;*
- *TAND TP Đà Nẵng;*
- *Phòng THADS Khu vực 6-Đà Nẵng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Min